

HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO ĐÁP ỨNG YÊU CẦU PHÁT TRIỂN MỚI

CAO ĐẠI ĐOÀN *

Tóm tắt: Luật Tín ngưỡng, tôn giáo ban hành năm 2016 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2018) đánh dấu bước phát triển quan trọng trong việc bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo. Để thi hành Luật này, Chính phủ đã ban hành các nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo; cùng với đó, các luật chuyên ngành khác liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo cũng được hoàn thiện, góp phần mang lại kết quả tích cực trong thực tiễn thi hành pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo. Tuy nhiên, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo là một lĩnh vực đặc thù, trong đó sự cân bằng giữa bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo và vai trò quản lý của nhà nước luôn cần đặc biệt quan tâm. Sau hơn 8 năm thực hiện, Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 đã bộc lộ một số hạn chế, bất cập cần được hoàn thiện. Từ việc phân tích thực trạng quy định pháp luật trong lĩnh vực này mà trọng tâm là Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016, bài viết đề xuất một số giải pháp hoàn thiện pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo phù hợp với yêu cầu phát triển mới trong giai đoạn hiện nay.

Từ khóa: Pháp luật tín ngưỡng, tôn giáo; đề xuất hoàn thiện khung pháp lý; yêu cầu phát triển mới

Nhận bài: 22/12/2025

Hoàn thành biên tập: 30/3/2026

Duyệt đăng: 30/3/2026

IMPROVING THE LEGAL FRAMEWORK FOR BELIEF AND RELIGION TO MEET NEW DEVELOPMENTAL REQUIREMENTS

Abstract: The 2016 Law on Belief and Religion (which went into effect on 01 January 2018) marks an important development in ensuring the freedom of belief and religion. For its implementation, the government has issued resolutions detailing some articles and the application of the Law on Belief and Religion; in addition, other related specialised laws have also been improved, contributing to the positive results in the implementation of laws on belief and religion. However, law on belief and religion is a specialised area in which special attention is needed to balance ensuring the freedom of belief and religion and the administrative role of the government. After 8 years of implementation, the 2016 Law on Belief and Religion has shown a number of limitations that need to be addressed. By analysing the current regulations in this area, with a special emphasis on the 2016 Law on Belief and Religion, the article proposes some solutions for improving the legal framework on belief and religion to align with the new development requirements of the current era.

Keywords: Law on belief and religion; proposals for improving the legal framework; new development requirements

Received: 22 December 2025; Editing completed: 30 March 2026; Accepted for publication: 30 March 2026

1. Đặt vấn đề

Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo là quyền cơ bản của con người được ghi nhận trong Tuyên ngôn thế giới về quyền con

người năm 1948 và Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị năm 1966 mà Việt Nam là thành viên. Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo được ghi nhận tại Điều 24 Hiến pháp năm 2013 với những nội dung nền tảng bảo đảm tôn trọng và thực hiện quyền này trên thực tế. Trên cơ sở đó, ngày 18/11/2016,

* Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam

E-mail: thichnguyenchinh@gmail.com

Quốc hội đã thông qua Luật Tín ngưỡng, tôn giáo, thay thế Pháp lệnh về tín ngưỡng, tôn giáo năm 2004, “*xây dựng một nền tảng pháp lý vững chắc trong việc bảo vệ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, lần đầu tiên có một luật điều chỉnh riêng về vấn đề này*”¹. Luật này đã kịp thời thể chế hoá quy định của Hiến pháp năm 2013 về quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, là bước tiến lớn trong việc đưa các quy định hiến định vào khuôn khổ pháp luật cụ thể, tạo cơ sở pháp lý vững chắc bảo đảm thực hiện quyền này trong đời sống xã hội. Việc ban hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 đã góp phần tạo lập môi trường pháp lý bảo đảm quyền con người, thể hiện cam kết của Nhà nước trong bảo vệ quyền con người, phù hợp với các chuẩn mực quốc tế liên quan đến quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo.

Trên cơ sở Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016, ngày 30/12/2017 Chính phủ đã ban hành Nghị định số 162/2017/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo và Nghị định này, sau đó được thay thế bằng Nghị định số 95/2023/NĐ-CP, ngày 29/12/2023 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo. Với các hoạt động xã hội khác của tôn giáo như y tế, giáo dục, bảo trợ xã hội, đất đai, xây dựng... cũng được các luật chuyên ngành quan tâm sửa đổi theo hướng ngày càng bảo đảm quyền và lợi ích chính đáng của các tôn giáo. Có thể thấy, các văn bản pháp luật nêu trên đã tạo hành lang pháp lý tương đối đầy đủ để bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo; đồng thời tăng

cường hiệu quả quản lý, đấu tranh với các hành vi lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo.

Tuy nhiên, trong bối cảnh mới hiện nay, hàng loạt những vấn đề đã đặt ra đòi hỏi phải hoàn thiện Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 nói riêng và pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo nói chung. Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 đã bộc lộ những hạn chế, chưa theo kịp yêu cầu phát triển của thực tiễn và bối cảnh chuyển đổi số, nhất là còn thiếu khung pháp lý đầy đủ, toàn diện đối với hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo trên không gian mạng, một xu hướng ngày càng phổ biến và tất yếu. Một số vấn đề mới phát sinh trong thực tiễn chưa được điều chỉnh trong Luật hoặc quy định còn thiếu rõ ràng, cụ thể, dẫn đến sự lúng túng trong quản lý và tổ chức thực hiện như: hoạt động tín ngưỡng tại các cơ sở do cá nhân, doanh nghiệp đầu tư; sinh hoạt tôn giáo của người nước ngoài; hay các thủ tục liên quan đến chức sắc, chức việc. Đồng thời, cơ chế phân cấp, phân quyền và tổ chức bộ máy quản lý nhà nước trong lĩnh vực này đã có nhiều thay đổi lớn nhưng chưa được luật hóa kịp thời, đặc biệt trong bối cảnh triển khai mô hình chính quyền địa phương hai cấp, làm phát sinh khoảng trống và bất cập trong xác định thẩm quyền, trách nhiệm giữa các cấp. Bên cạnh đó, hệ thống thủ tục hành chính còn cồng kềnh, chủ yếu vận hành theo phương thức truyền thống, chưa đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, số hóa dữ liệu, gây khó khăn cho công tác tổng hợp, báo cáo, làm giảm hiệu quả quản lý nhà nước. Những bất cập này đòi hỏi việc nghiên cứu để sửa đổi, bổ sung Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 nói riêng, hoàn thiện pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo nói chung theo hướng đồng bộ, hiện đại, rõ thẩm

¹ Trần Tuấn Vũ (2018), “Nguyên tắc bình đẳng và không phân biệt đối xử trong việc thực hiện quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo”, *Tạp chí Luật học*, số 12, tr. 68.

quyền, tăng cường phân cấp hợp lý, đẩy mạnh chuyển đổi số, bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo đồng thời nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong tình hình mới.

2. Thực trạng pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo

Pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo là lĩnh vực pháp lý đặc thù, cần bảo đảm sự cân bằng giữa quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo với vai trò quản lý nhà nước nhằm duy trì trật tự xã hội, thể hiện bản chất chính trị-xã hội của Nhà nước pháp quyền. Ở Việt Nam, với bề dày lịch sử văn hoá và sự đa dạng tín ngưỡng, tôn giáo, việc nghiên cứu hoàn thiện và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo đóng vai trò quan trọng trong bảo đảm quyền con người, ổn định xã hội và phát triển đất nước.

Theo quy định tại Điều 18 Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị năm 1966, quyền tự do có hoặc theo một tôn giáo là quyền tuyệt đối, không bị hạn chế, còn quyền tự do bày tỏ tôn giáo là quyền tương đối, *“chỉ có thể bị giới hạn bởi pháp luật và khi sự giới hạn đó là cần thiết để bảo vệ an ninh, trật tự công cộng, sức khỏe hoặc đạo đức xã hội, hoặc để bảo vệ các quyền và tự do cơ bản của người khác”*². Pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam bảo đảm tuân thủ các cam kết quốc tế và thể hiện rõ bản chất chính trị-xã hội của Nhà nước pháp quyền. Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016, Nghị định số 162/2017/CP ngày 30/12/2017 và sau đó là Nghị định số 95/2023/NĐ-CP

ngày 29/12/2023 của Chính phủ được triển khai trong bối cảnh đất nước đang hội nhập quốc tế sâu rộng, đồng thời tập trung xây dựng và phát triển kinh tế-xã hội. Những nội dung chính của Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 thể hiện ở các điểm cơ bản sau:

Thứ nhất, luật hoá đầy đủ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo: Luật cụ thể hoá quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo theo tinh thần Hiến pháp năm 2013, theo đó mọi người có quyền tin, theo hoặc không theo tôn giáo nào và thực hành các hoạt động tín ngưỡng, hoạt động tôn giáo. Nội dung này được quy định thành một chương riêng trong Luật, với việc mở rộng và làm rõ các hành vi được bảo đảm, như thực hành lễ nghi, tham gia lễ hội, học tập giáo lý và quyền vào tu tại cơ sở tôn giáo. Đây là lần đầu tiên quyền này được luật hoá một cách chi tiết, đầy đủ hơn so với Pháp lệnh về tín ngưỡng, tôn giáo năm 2004.

Thứ hai, đối tượng được bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo được mở rộng: Theo đó, đối tượng này không chỉ là “công dân” mà là mọi người, phù hợp với nội dung của Hiến pháp năm 2013, thể hiện trách nhiệm của Nhà nước trong bảo vệ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo một cách toàn diện.

Thứ ba, quy định chi tiết về quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo: Luật đã xác định rõ: 1) Quyền của tổ chức tôn giáo trong các hoạt động như sinh hoạt tôn giáo, truyền đạo, xuất bản, sản xuất và nhập khẩu văn hoá phẩm tôn giáo. 2) Nghĩa vụ tuân thủ pháp luật của tổ chức, chức sắc, tín đồ trong thực hiện quyền này.

Thứ tư, quy định quyền tín ngưỡng, tôn giáo trong tình trạng đặc biệt: Lần đầu tiên Luật ghi nhận quyền sử dụng kinh sách, bày

² Trung tâm Nghiên cứu Quyền con người và Quyền công dân, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội (2012), *Giới thiệu Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị (ICCPR, 1966)*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, tr. 273.

tỏ niềm tin tín ngưỡng, tôn giáo cho người bị tạm giữ, tạm giam, chấp hành án phạt tù và các biện pháp giáo dục, giáo dục bắt buộc, cai nghiện bắt buộc, điểm mới mang tính nhân văn, nhân quyền, thể hiện sự tôn trọng quyền con người ngay cả khi người đó đang bị hạn chế tự do cá nhân.

Thứ năm, cơ chế tổ chức tôn giáo, đăng kí hoạt động và nhóm sinh hoạt tôn giáo: Luật quy định rõ hơn về dạng tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc và nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung, với thủ tục đăng kí minh bạch giúp quản lí và tạo điều kiện thuận lợi hơn cho hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo trong thực tế.

Bên cạnh nội dung quy định của Luật Tín ngưỡng, tôn giáo, Nghị định số 95/2023/NĐ-CP của Chính phủ có hiệu lực từ ngày 30/3/2024, thay thế Nghị định số 162/2017/NĐ-CP đã có nhiều quy định chi tiết hơn với bốn điểm mới rõ rệt:

Thứ nhất, Nghị định đã cụ thể hoá các thủ tục hành chính có liên quan như thủ tục cấp chứng nhận đăng kí tổ chức tôn giáo và tổ chức tôn giáo trực thuộc; về giải thể tổ chức tôn giáo, cơ sở đào tạo tôn giáo; về phê duyệt các hoạt động như bầu cử, bổ nhiệm chức sắc có yếu tố nước ngoài.

Thứ hai, Nghị định đã làm rõ các quy định về công trình tín ngưỡng, tôn giáo, theo đó, định nghĩa rõ “công trình tín ngưỡng”, “công trình tôn giáo” và “công trình phụ trợ” để tránh chồng chéo trong hoạt động quản lí.

Thứ ba, Nghị định đã quy định về tiếp nhận, quản lí tài trợ thông qua việc hướng dẫn tổ chức tôn giáo tiếp nhận và quản lí tài trợ (trong nước và nước ngoài) nhằm bảo đảm minh bạch, đúng mục đích theo pháp luật hiện hành.

Thứ tư, Nghị định đã sửa đổi, bổ sung

các biện pháp thi hành pháp luật với nhiều điều khoản rõ ràng, cụ thể hơn so với Nghị định số 162/2017/NĐ-CP, nhằm tháo gỡ vướng mắc thực tiễn và tạo thuận lợi hơn cho thực hiện Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016.

Với những ưu điểm như vậy, thực tiễn triển khai thi hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 đã có một số kết quả tích cực, cụ thể như: quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo được bảo đảm thực chất hơn; việc hoàn thiện, vận hành khung pháp lí và thủ tục hành chính về tôn giáo hiệu quả hơn; tăng cường hiệu lực quản lí nhà nước, xử lí tốt hơn các hiện tượng lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo; phát huy vai trò, nguồn lực của các tôn giáo trong phát triển kinh tế-xã hội; góp phần nâng cao hình ảnh, vị thế Việt Nam về tự do tín ngưỡng, tôn giáo trên trường quốc tế.

Bên cạnh những ưu điểm, Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 và pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo hiện hành nói chung còn bộc lộ một số hạn chế sau:

Một là, một số nội dung chưa được Luật quy định: 1) Chưa có quy định về thời hạn hoạt động của người đại diện và thành viên ban quản lí cơ sở tín ngưỡng đã gây khó khăn cho người đại diện, ban quản lí cơ sở tín ngưỡng cũng như trong công tác quản lí nhà nước. 2) Chưa có điều khoản quy định về đăng kí hoạt động tín ngưỡng tại các cơ sở tư gia, các cơ sở do doanh nghiệp đầu tư xây dựng có hoạt động tín ngưỡng, trong khi các điện, phủ tư gia ở tất cả các tỉnh, thành đều có và hoạt động rất đa dạng³. 3) Chưa có quy

³ Hiện nay, trên địa bàn cả nước có khoảng 73.298 cơ sở tín ngưỡng, trong đó số cơ sở tín ngưỡng đã có người đại diện hoặc ban quản lí là 48.041, số cơ sở chưa có người đại diện hoặc ban quản lí là 12.641, số cơ sở đã đăng kí hoạt động tín ngưỡng

định về điều kiện để được đăng kí đối với nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam. 4) Chưa có quy định về thu hồi văn bản chấp thuận đăng kí sinh hoạt tôn giáo tập trung (bao gồm nhóm của công dân Việt Nam và nhóm của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam) trong trường hợp nhóm sinh hoạt tôn giáo vi phạm pháp luật hoặc tự giải tán. 5) Chưa quy định về người đại diện trong điều kiện thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc; thành lập cơ sở đào tạo tôn giáo. 6) Chưa có quy định về thu hồi văn bản chứng nhận đăng kí hoạt động tôn giáo trong trường hợp tổ chức được cấp chứng nhận đăng kí hoạt động tôn giáo vi phạm pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo. 7) Chưa quy định về đình chỉ chức vụ của chức việc các tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng kí hoạt động tôn giáo khi vi phạm các quy định của pháp luật. 8) Chưa quy định việc tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc được tổ chức các hội thảo. 9) Chưa quy định rõ chủ thể được thực hiện các hoạt động giáo dục, đào tạo, y tế, bảo trợ xã hội, từ thiện, nhân đạo là tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc. 10) Chưa có điều khoản riêng quy định về hợp tác quốc tế trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo; đồng thời chưa phân định rõ hợp tác quốc tế của tổ chức, cá nhân tôn giáo và hợp tác quốc tế của các cơ quan nhà nước dẫn đến

khó khăn trong áp dụng. 11) Chưa có điều khoản điều chỉnh hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo trên không gian mạng cũng như giải thích về “hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo trên không gian mạng” trong khi hoạt động này phổ biến và trở thành xu thế, phương thức hoạt động chính của nhiều tôn giáo, dẫn đến việc nhiều vi phạm chưa được phát hiện kịp thời và xử lí hiệu quả, ảnh hưởng tiêu cực đến đời sống tín ngưỡng, tôn giáo lành mạnh của cộng đồng và hiệu quả, hiệu lực quản lí nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo. 12) Chưa quy định về thực hiện ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số trong quản lí nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo; xây dựng, quản lí, khai thác cơ sở dữ liệu về tín ngưỡng, tôn giáo cũng như phân cấp, ủy quyền các nội dung quản lí nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo. 13) Chưa có quy định cho phép người Việt Nam làm chức sắc ở nước ngoài về Việt Nam giảng đạo cho tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc⁴.

Hai là, một số nội dung quy định chưa cụ thể hoặc đã quy định cụ thể nhưng khi áp dụng gây khó khăn cho một số tổ chức: 1) Một số cách giải thích tại Điều 2 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 như: hoạt động tín ngưỡng, cơ sở tín ngưỡng, hoạt động tôn giáo, cơ sở tôn giáo, chức việc... chưa rõ ràng, dẫn đến cách hiểu và áp dụng chưa thống nhất giữa các địa phương, cần được rà soát, nghiên cứu tính phù hợp với bối cảnh chuyển đổi số hiện nay và tính thống nhất, đồng bộ với các

là 28.574, số cơ sở chưa đăng kí hoạt động tín ngưỡng là 22.7831. Ngoài ra, còn có 8.702 cơ sở tư gia có hoạt động tín ngưỡng nhưng không thuộc quy định tại khoản 4 Điều 2 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016. Xem: Báo cáo số 3257/BC-BD TTG ngày 31/12/2025 của Bộ Dân tộc và Tôn giáo Tổng kết việc thi hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo (từ ngày 01/01/2018 đến hết ngày 30/9/2025).

⁴ Hiện mới chỉ có quy định ở khoản 3 Điều 8 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016: *Chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam được giảng đạo tại cơ sở tôn giáo hoặc địa điểm hợp pháp khác ở Việt Nam*. Pháp luật còn bỏ ngỏ với chức sắc là người Việt Nam ở nước ngoài.

cách giải thích được quy định trong pháp luật liên quan cũng như thể hiện rõ nội hàm để bao quát, mô tả được hết đặc điểm, tình hình mới trong thực tiễn phát sinh. 2) Việc xác định đăng kí hoạt động tín ngưỡng chỉ gắn với cơ sở tín ngưỡng là chưa phù hợp với thực tiễn đa dạng, phong phú về đời sống tín ngưỡng, hoạt động tín ngưỡng hiện nay trong phạm vi toàn quốc. 3) Một số quy định thiếu chủ thể được thực hiện các quyền, cụ thể: tại các khoản 3, 4 Điều 6 thiếu chủ thể là tổ chức được cấp chứng nhận đăng kí hoạt động tôn giáo; tại Điều 35 chưa quy định tổ chức được cấp chứng nhận đăng kí hoạt động tôn giáo chuyển chức việc; tại Điều 41 chưa quy định tổ chức được cấp chứng nhận đăng kí hoạt động tôn giáo mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo,... 4) Khoản 1 Điều 16 quy định điều kiện “*Tổ chức tôn giáo đăng kí sinh hoạt tôn giáo tập trung cho tín đồ tại những nơi chưa đủ điều kiện thành lập tổ chức tôn giáo trực thuộc*” chỉ phù hợp với tổ chức tôn giáo nội sinh, tổ chức tôn giáo có phạm vi hoạt động trong địa bàn một tỉnh; không phù hợp với tổ chức tôn giáo có quy mô toàn quốc, phạm vi toàn cầu⁵.

Ba là, một số quy định còn bất cập, chưa theo kịp thực tiễn như: 1) Thủ tục hành chính ở một số khâu còn rườm rà, nhiều tầng nấc hành chính, thời hạn và trình tự chưa thống nhất giữa các cấp quản lí, thiếu mẫu biểu, hướng dẫn thống nhất; một số nội dung về đất đai tôn giáo, tài sản, xã hội hoá hoạt động tôn giáo, ứng dụng chuyển đổi số... chưa được quy định rõ, gây lúng túng cho tổ chức tôn giáo, cho các địa phương khi thực

hiện. 2) Một số khái niệm trong Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 như: “chức sắc, chức việc”, “tổ chức tôn giáo trực thuộc”, “sinh hoạt tôn giáo tập trung”, “địa điểm hợp pháp”... dễ dẫn đến nhiều cách hiểu khác nhau, khó áp dụng, gây khó khăn cho tổ chức, cá nhân chức sắc tôn giáo trong việc đăng kí sinh hoạt và thực hiện các thủ tục hành chính đối với cơ quan nhà nước các cấp⁶. 3) Pháp luật còn thiếu quy định về xử lí vi phạm hành chính trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo⁷.

Bốn là, còn có sự thiếu thống nhất giữa Luật Tín ngưỡng, tôn giáo với các luật chuyên ngành khác, đặc biệt là Luật Đất đai và Luật Di sản văn hoá. Theo quy định của pháp luật đất đai mới, tổ chức tôn giáo đã được cấp phép mới được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tôn giáo. Tuy nhiên,

⁶ Xem: Nguyễn Thị Định (2020), “Một số khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn thực hiện Luật Tín ngưỡng, tôn giáo”, *Tạp chí Nhà nước và Pháp luật*, số 1, tr. 18.

⁷ Điều 64 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 quy định: “*Căn cứ quy định của luật này và Luật Xử lí vi phạm hành chính, Chính phủ quy định hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả đối với từng hành vi vi phạm hành chính; thẩm quyền xử phạt, mức phạt cụ thể và thẩm quyền lập biên bản đối với hành vi vi phạm hành chính; chế độ áp dụng các biện pháp xử lí hành chính trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo*”. Tuy nhiên, đến nay, Chính phủ vẫn chưa ban hành được Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo. Xem: Quốc Ngọc, Nguyễn Huệ (2025), *Sửa Luật Tín ngưỡng, tôn giáo: Đòi hỏi đồng bộ pháp lí để tránh bất cập từ thực tế*, <https://vietnamnet.vn/sua-luat-tin-nguong-ton-giao-dong-bo-phap-ly-de-tranh-bat-cap-tu-thuc-te-2468328.html>, truy cập 22/12/2025. Vì chưa có chế tài xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo nên chưa có sự thống nhất trong xử lí những hành vi vi phạm pháp luật về tín ngưỡng. Xem: Trần Thị Thuý Ngọc (2025), “Tăng cường quản lí nhà nước đối với hoạt động tín ngưỡng ở Việt Nam”, *Tạp chí Quản lí nhà nước*, số 5, tr. 44.

⁵ Báo cáo số 3257/BC-BD TTG ngày 31/12/2025 của Bộ Dân tộc và Tôn giáo, tldd.

để thành lập tổ chức tôn giáo như giáo xứ, dòng tu, thì Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 lại yêu cầu phải có địa điểm hợp pháp để sinh hoạt tôn giáo như đất, trụ sở (khoản 1 Điều 16). Vòng luẩn quẩn này khiến việc thành lập các cơ sở tôn giáo mới trở nên bế tắc nếu không có sự điều chỉnh đồng bộ⁸. Đặc biệt là thiếu cơ chế pháp lý rõ ràng để xử lý hành vi lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo trên môi trường mạng. Sự xuất hiện của các “tà đạo”, “hiện tượng tâm linh trá hình”, truyền bá mê tín qua livestream, mạng xã hội... đang diễn ra ngày càng tinh vi nhưng chưa có khung pháp lý đủ mạnh để ngăn chặn. Chưa có quy định đầy đủ về tài sản, kinh tế, tài chính của tổ chức tôn giáo. Các hoạt động như quyên góp, quản lý tài sản công đức, kinh tế tôn giáo, chuyển nhượng tài sản... chưa có cơ chế minh bạch, gây khó khăn cho quản lý và tiềm ẩn rủi ro bị lợi dụng.

3. Yêu cầu và giải pháp hoàn thiện pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo

3.1. Yêu cầu hoàn thiện pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo

Một là, bảo đảm quyền con người theo Hiến pháp năm 2013, khung pháp lý cần tôn trọng tối đa quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, chỉ hạn chế vì lý do thật sự cần thiết theo tiêu chuẩn quốc tế, phù hợp với điều kiện kinh tế, chính trị, xã hội, lịch sử, văn hoá của Việt Nam. Chính vì vậy, “việc thể chế hoá các quyền tự do tôn giáo trong nhà nước pháp quyền XHCN một mặt yêu cầu áp dụng các nguyên tắc chung của một nhà nước pháp quyền, đồng thời nguyên tắc đặc trưng của kiểu nhà nước pháp quyền XHCN”⁹.

Hai là, về quan điểm chỉ đạo sửa đổi Luật Tín ngưỡng, tôn giáo, cần thay đổi rõ rệt từ quản lý thụ động sang chủ động. Luật sửa đổi cần thể hiện được mạnh mẽ tinh thần cắt giảm, đơn giản hoá các thủ tục trong bối cảnh chuyển đổi số; thay đổi tư duy từ trạng thái “xin phép” sang chủ động kiến tạo, tạo điều kiện thuận lợi ngay từ đầu cho hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo. Luật phải mang tính định khung và theo định hướng ổn định, lâu dài. Các vấn đề cụ thể, chi tiết sẽ được đưa vào nghị định, thông tư hướng dẫn, trên nguyên tắc tôn trọng và phát huy vai trò của từng tổ chức tôn giáo.

Ba là, nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước, trong đó yêu cầu về tính minh bạch, nhất quán giữa các cấp; cơ chế phối hợp liên ngành; ứng dụng công nghệ vào quản lý phải được ưu tiên.

Bốn là, chủ động ứng phó các rủi ro mới, nhất là rủi ro lừa đảo tâm linh, mê tín dị đoan, lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để trục lợi, tuyên truyền trái pháp luật.

Năm là, để phù hợp xu thế chuyển đổi số và hội nhập quốc tế cần điều chỉnh quy định liên quan đến môi trường mạng, hoạt động quốc tế của tổ chức tôn giáo.

3.2. Giải pháp hoàn thiện khung pháp lý về tín ngưỡng, tôn giáo

Một là, hoàn thiện hệ thống khái niệm và phạm vi điều chỉnh, trên cơ sở rà soát và định nghĩa rõ ràng các khái niệm cơ bản về: Hoạt động tôn giáo, hoạt động tín ngưỡng; sinh hoạt tôn giáo tập trung; tổ chức tôn giáo trực thuộc; cơ sở tín ngưỡng, cơ sở tôn giáo; hoạt động tôn giáo trên môi trường mạng... Điều này giúp thống nhất cách hiểu, hạn chế sự tùy

⁸ Quốc Ngọc, Nguyễn Huệ (2025), t.lđđ.

⁹ Hoàng Văn Nghĩa (2019), “Nội luật hoá các công

ước quốc tế về quyền tự do tôn giáo và việc thực thi ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Luật học*, Số đặc biệt “25 năm Tạp chí Luật học”, tr. 75.

nghi giữa các địa phương. Bổ sung quy định đặc thù cho tổ chức tôn giáo có cơ cấu tổ chức nhiều cấp, quy định rõ thẩm quyền pháp nhân của từng cấp Giáo hội, nhằm thuận lợi cho giao dịch và quản lý. Quy định rõ cơ chế pháp lý đối với tài sản tôn giáo (tự viện, đất đai, cơ sở vật chất), tránh tranh chấp, bảo đảm quyền lợi hợp pháp của tổ chức tôn giáo.

Hai là, mở rộng phạm vi điều chỉnh đối với hoạt động tôn giáo trên môi trường số, cần bổ sung chương hoặc điều khoản riêng về hoạt động tôn giáo qua internet, livestream, mạng xã hội; xác định rõ trách nhiệm pháp lý đối với cá nhân, tổ chức đăng tải nội dung liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo. Đối với chính sách này, cần xác lập nguyên tắc, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân khi thực hiện hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo trên không gian mạng. Cần có quy định cụ thể về nguyên tắc tổ chức hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo trên không gian mạng; quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khi thực hiện hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo trên không gian mạng;... Bổ sung các quy định về tổ chức các hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo trên không gian mạng; bổ sung điều khoản quy định về cơ chế thông báo, đăng ký, đề nghị đối với hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo trên không gian mạng. Cần có điều khoản quy định về trách nhiệm của các bên liên quan khi cung cấp các thông tin tôn giáo trên không gian mạng; về quản lý hoạt động tôn giáo xuyên biên giới, bao gồm các nền tảng không đặt máy chủ tại Việt Nam;... Nghiên cứu, cân nhắc về việc giao Chính phủ quy định chi tiết về các nội dung này khi xây dựng nghị định hướng dẫn luật. Đồng thời, cần rà soát, tích hợp,

bảo đảm tính thống nhất giữa các luật để tạo hành lang pháp lý rõ ràng, cụ thể đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước đối với hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo trên không gian mạng.

Ba là, đối với chính sách về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung chi tiết hơn trong quy định về giải thích từ ngữ liên quan đến tín ngưỡng, như: “hoạt động tín ngưỡng”, “cơ sở tín ngưỡng” tại Điều 2 của Luật; nghiên cứu, bổ sung quy định về thời gian đảm nhiệm, giữ nhiệm vụ làm người đại diện, thành viên ban quản lý cơ sở tín ngưỡng. Bổ sung quy định về hoạt động tín ngưỡng của cơ sở tín ngưỡng phải được đăng ký một lần với ủy ban nhân dân cấp xã nơi có cơ sở tín ngưỡng trước khi cơ sở thực hiện hoạt động tín ngưỡng. Đối với cơ sở có sinh hoạt tín ngưỡng (tư gia), cơ sở do doanh nghiệp đầu tư xây dựng có hoạt động tín ngưỡng, cần bổ sung quy định về đăng ký hoạt động tín ngưỡng tại các cơ sở này để quản lý, hạn chế việc tụ tập đông người sinh hoạt và hoạt động mê tín, dị đoan. Các khái niệm, thuật ngữ liên quan đến “tổ chức tôn giáo trực thuộc”, “cơ sở tôn giáo” được quy định tại Điều 2 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 cần nghiên cứu quy định chi tiết hơn; bổ sung cách giải thích “hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo trên không gian mạng”. Bổ sung chủ thể tổ chức tôn giáo trực thuộc được đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung tại Điều 16 của Luật (theo Luật hiện nay chỉ cho tổ chức tôn giáo được thực hiện quyền này). Bổ sung quy định về người đại diện tại điều kiện thành lập, chia, tách, sáp nhập tổ chức tôn giáo trực thuộc; thành lập cơ sở đào tạo tôn giáo. Nghiên cứu sửa đổi Điều 32 của Luật theo hướng cân nhắc, loại bỏ

điều kiện về “án tích” của nhân sự dự kiến làm người đại diện điểm nhóm; làm chức việc của tổ chức được cấp chứng nhận đăng kí hoạt động tôn giáo; làm chức sắc, chức việc các tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc; sửa đổi Điều 34 của Luật về đăng kí người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc để tạo thuận lợi cho tất cả các tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng kí hoạt động tôn giáo (theo đó nếu bổ nhiệm, suy cử chức việc sẽ đăng kí trước; nếu bầu cử chức việc sẽ thực hiện đăng kí sau khi có kết quả)¹⁰. Bổ sung quy định về việc chuyển chức việc của tổ chức được cấp chứng nhận đăng kí hoạt động tôn giáo; quy định bổ nhiệm chức việc đồng thời chuyển. Bổ sung quy định về hội thảo của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc. Bổ sung điều khoản quy định về hợp tác quốc tế trong công tác tín ngưỡng, tôn giáo (nguyên tắc, nội dung hợp tác quốc tế trong công tác tín ngưỡng, tôn giáo). Bổ sung quy định về điều kiện, thẩm quyền chấp thuận đăng kí sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam; về quản lí sinh hoạt tôn giáo của người nước ngoài trong các khu công nghiệp, khu kinh tế... nơi chính quyền địa phương khó tiếp cận, quản lí. Bổ sung cụm từ “tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc” cho rõ chủ thể được thực hiện các hoạt động xuất bản, giáo dục, đào tạo, y tế, bảo trợ xã hội, từ thiện nhân đạo theo quy định của pháp

luật có liên quan; bổ sung tổ chức được cấp chứng nhận đăng kí hoạt động tôn giáo được tham gia các hoạt động từ thiện, xã hội. Bổ sung, quy định rõ về nội dung quản lí nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo tại Điều 60 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016, từ đó xác định rõ trách nhiệm của cơ quan chuyên môn về tín ngưỡng, tôn giáo làm căn cứ để xây dựng tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ, vị trí việc làm. Về các nội dung thuộc thẩm quyền của uỷ ban nhân dân cấp huyện theo quy định của Luật, đến nay không còn đơn vị hành chính cấp huyện, vì vậy thẩm quyền giải quyết các nội dung này cần được điều chỉnh cho phù hợp với việc tổ chức chính quyền địa phương hai cấp. Bổ sung 05 thẩm quyền cho uỷ ban nhân dân cấp xã. Chuyển các thẩm quyền theo Luật đang giao cho Sở Dân tộc và Tôn giáo/Sở Nội vụ sang uỷ ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025. Các điều, khoản hướng dẫn chi tiết về điều kiện, trình tự, thủ tục, thẩm quyền chấp thuận, hồ sơ đề nghị đang có trong Luật hiện nay đề nghị chuyển sang Nghị định hướng dẫn.

Bốn là, đối với chính sách bổ sung biện pháp quản lí nhà nước trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo: Bổ sung quy định về thẩm quyền thu hồi văn bản chấp thuận đăng kí sinh hoạt tôn giáo tập trung của công dân Việt Nam khi vi phạm pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo hoặc khi có sai phạm trong quá trình thực hiện. Bổ sung quy định về thẩm quyền thu hồi văn bản chấp thuận cấp chứng nhận đăng kí hoạt động tôn giáo khi vi phạm pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo hoặc khi có sai sót trong quá trình cấp giấy. Bổ sung quy định về việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền

¹⁰ Nguyễn Thị Định (2026), *Xây dựng Luật Tín ngưỡng, tôn giáo sửa đổi nhằm bảo đảm tốt hơn quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo*, <https://btgcp.gov.vn/pages/detail/40569/Xay-dung-Luat-Tin-nguong-ton-giao-sua-doi-nham-bao-dam-tot-hon-quyen-tu-do-tin-nguong-ton-giao.html>, truy cập 15/3/2026.

được quyền đình chỉ hoặc yêu cầu tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc đình chỉ chức vụ khi chức việc vi phạm các quy định của pháp luật hoặc một số quy định trong hiến chương, quy chế của tổ chức. Bổ sung quy định thu hồi văn bản chấp thuận đăng kí sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam.

Năm là, đối với chính sách về đơn giản hóa thủ tục hành chính và chuyển đổi số trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo: Tiếp tục đơn giản hoá thủ tục hành chính theo hướng trên cơ sở kế thừa các thủ tục hành chính theo quy định của Luật tín ngưỡng, tôn giáo hiện hành (không làm phát sinh thủ tục hành chính mới); rà soát, cắt giảm thành phần hồ sơ như bỏ quy định về phiếu lí lịch tư pháp trong một số hoạt động tôn giáo.

Kết luận

Thực trạng pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo cho thấy pháp luật đã phát huy vai trò quan trọng trong bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo và nâng cao hiệu quả quản lí nhà nước. Tuy nhiên, sự thay đổi nhanh chóng của đời sống xã hội đặt ra yêu cầu cấp thiết phải tiếp tục hoàn thiện khung pháp lí. Các đề xuất nêu trên nhằm hướng đến một hệ thống pháp luật hiện đại, minh bạch, tôn trọng quyền con người, phù hợp thông lệ quốc tế; đồng thời bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự xã hội và ngăn chặn hiệu quả các hành vi lợi dụng tôn giáo góp phần sáng tỏ về lí luận, thực tiễn, góp ý kiến giúp Bộ Dân tộc và Tôn giáo đang xây dựng dự án Luật Tín ngưỡng, tôn giáo (sửa đổi), dự kiến trình Quốc hội khoá XVI tại kì họp thứ nhất năm 2026. Đây cũng là tiền đề để phát huy những giá trị nhân văn, đạo đức tốt đẹp của tôn giáo, góp phần

xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong giai đoạn phát triển mới của đất nước./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Thị Định (2020), “Một số khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn thực hiện Luật tín ngưỡng, tôn giáo”, *Tạp chí Nhà nước và Pháp luật*, số 1.
2. Nguyễn Thị Định (2026), *Xây dựng Luật Tín ngưỡng, tôn giáo sửa đổi nhằm bảo đảm tốt hơn quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo*, <https://btgcp.gov.vn/pages/detail/40569/Xay-dung-Luat-Tin-nguong-ton-giao-sua-doi-nham-bao-dam-tot-hon-quyen-tu-do-tin-nguong-ton-giao.html>
3. Hoàng Văn Nghĩa (2019), “Nội luật hoá các Công ước quốc tế về quyền tự do tôn giáo và việc thực thi ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Luật học*, Số đặc biệt “25 năm Tạp chí Luật học”.
4. Quốc Ngọc, Nguyễn Huệ (2025), *Sửa Luật Tín ngưỡng, tôn giáo: Đòi hỏi đồng bộ pháp lí để tránh bất cập từ thực tế*, <https://vietnamnet.vn/sua-luat-tin-nguong-ton-giao-dong-bo-phap-ly-de-tranh-bat-cap-tu-thuc-te-2468328.html>
5. Trần Thị Thuý Ngọc (2025), “Tăng cường quản lí nhà nước đối với hoạt động tín ngưỡng ở Việt Nam”, *Tạp chí Quản lí nhà nước*, số 5.
6. Trung tâm Nghiên cứu Quyền con người và Quyền công dân, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội (2012), *Giới thiệu Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị (ICCPR, 1966)*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội.
7. Trần Tuấn Vũ (2018), “Nguyên tắc bình đẳng và không phân biệt đối xử trong việc thực hiện quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo”, *Tạp chí Luật học*, số 12.